TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2025.
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường.

2. Ông Nguyễn Văn Trương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Lâm Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐ-HNGĐ ngày 07/07/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Mỹ A, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Trí B, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ. (ấp Phú Trí B, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang).

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Trí B, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ. (ấp Phú Trí B, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Lê Mỹ A trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn năm 2000, có làm lễ cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân là do quen biết tự nguyện tiến tới hôn nhân. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống,

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có một con chung, chị Phạm Mỹ T, sinh ngày 28/3/2001, con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn. Về con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Trí B, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ. (ấp Phú Trí B, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang), căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt bị đơn, quá trình xét xử Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thủ tục tố tụng đúng quy định cho bị đơn, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Lê Mỹ A và bị đơn Phạm Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đến Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ), đăng ký kết hôn vào năm 2001, theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do

bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính tình và cách sống, nguyên đơn và bị đơn đã cho nhau cơ hội nhưng không thể hàn gắn được với nhau. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không lý do chứng tỏ bị đơn không quan tâm hôn nhân giữa bị đơn và nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn sống ly thân từ năm 2019 đến nay, vợ chồng tự ai nấy sống. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung có con chung đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39,147, 227, 228, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lê Mỹ A và bị đơn Phạm Văn T được ly hôn.

1.2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Mỹ A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003606 ngày 11/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ) thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhân